

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10541/BC-TTCH

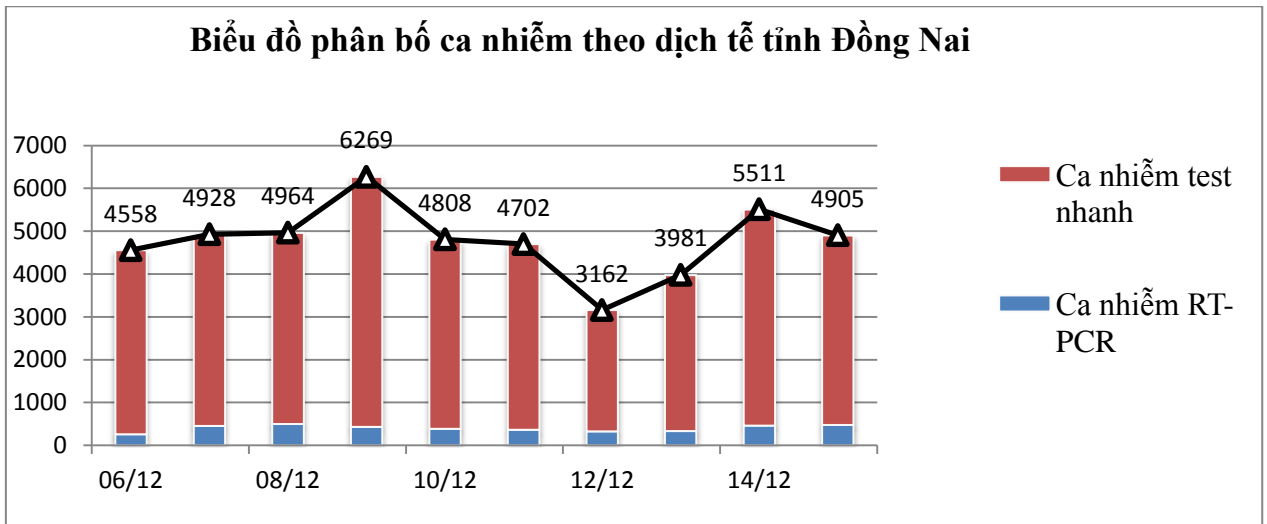
Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 15/12/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế ca bệnh	
		Realtime RT-PC				Test nhanh kháng nguyên (+)	Tổng ca mắc trong ngày	RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên
		Ca mắc	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa				
1	Biên Hòa	385	207	178	0	1282	1.667	41.625	50.821
2	Nhon Trạch	20	3	17	0	567	587	18.595	27.723
3	Vĩnh Cửu	24	18	6	0	299	323	13.258	14.024
4	Trảng Bom	25	18	7	0	629	654	9.073	13.678
5	Long Thành	11	0	0	11	395	406	3.662	9.953
6	Thống Nhất	8	2	0	6	314	322	1.824	6.769
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	165	165	1.346	3.471
8	Long Khánh	6	6	0	0	256	262	1.263	4.409
9	Định Quán	1	1	0	0	230	231	1.083	3.583
10	Tân Phú	0	0	0	0	130	130	959	2.852
11	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	158	158	767	2.963
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0
Tổng số		480	255	208	17	4.425	4.905	93.858	140.246

* Thực hiện Công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh, ghi nhận ca nhiễm phát hiện bằng phương pháp xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 dương tính 02 lần.



Nhận xét:

- Trong ngày có 08/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú) ghi nhận ca mắc mới và 07/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng.

- Trong ngày ghi nhận 4.905 ca mắc mới trong ngày (giảm 10,8%), trong đó có 480 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (tăng 3,4%), 4.425 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (giảm 12,3%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 234.104 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	29	943	39.919	40.862
Cách ly tại nhà	1.715	85.502	142.817	228.319
Theo dõi sức khỏe	24	8.962	34.810	43.772

- Thực hiện Công văn số 12542/UBND-KGVX ngày 13/10/2021 về việc triển khai cách ly F1 tại nhà trên địa bàn tỉnh; Công văn số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 về việc triển khai quản lý người nhiễm COVID-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh

- Hiện có 04 huyện, thành phố duy trì hoạt động các khu cách ly tập trung do huyện quản lý bao gồm: Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch; với 18 khu cách ly, tổng số 3.165 giường phục vụ người không đủ điều kiện thực hiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị tại cơ sở y tế

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	480	14.781	181	78.011	19	1.098	103
Tỉ lệ		15,74%		83,09%		1,17%	0,70%

- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PC và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2): **0,47%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	325	263	62
Tầng 2	5.526	1.060	4.466
Tầng 1	6.072	747	5.325

- Triển khai việc từng bước giải thể các Bệnh viện dã chiến: Các Bệnh viện dã chiến số 3,4,6,7,8 đã tạm ngừng tiếp nhận bệnh.

- Số ca bệnh nặng, nguy kịch tăng, các đơn vị hồi sức tích cực tầng 3 có nguy cơ quá tải

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Hoàn thành cách ly	Lũy kế
1	Biên Hòa	2.232	34.046	59.829	93.875
2	Long Khánh	256	2.760	1.931	4.691
3	Vĩnh Cửu	297	3.805	12.385	16.190
4	Định Quán	107	1.706	1.915	3.621
5	Tân Phú	-	1.382	1.695	3.077
6	Trảng Bom	253	904	2.876	3.780
7	Thống Nhất	314	3.050	4.049	7.099
8	Xuân Lộc	165	1.664	1.486	3.150
9	Cẩm Mỹ	157	1.214	1.617	2.831
10	Long Thành	-	1.178	5.713	6.891
11	Nhon Trạch	978	5.861	21.295	27.156
	Tổng	4.759	57.570	114.791	172.361

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 15/12)

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 25 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.106.838 liều.

- Số liệu tiêm chủng sử dụng từ nguồn báo cáo của các địa phương thay thế cho số liệu cập nhật từ hệ thống tiêm chủng MCC hiện đang bị lỗi chưa được khắc phục.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 100,72% ; Mũi 2: 92,86%; Mũi 3: 4,07%

- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cao nhất (>90%): Xuân Lộc, Long Thành, Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Khánh.

- Các địa phương tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 chưa đạt 80%: Nhơn Trạch

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,40%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,84%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 90,53%; Mũi 2: 37,64%

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	6.134	2.137	2.029.331	247.319
RT-PCR mẫu đơn	3.039	1.132	2.026.564	247.323
RT-PCR mẫu gộp	252	70	355.463	30.209
Lượt người thực hiện PCR	4.211	1.132	3.781.301	247.323

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 70 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

+ 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

+ 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày có 08/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú) ghi nhận ca mắc mới và 07/11 huyện/thành phố (trừ Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành) ghi nhận ca mắc cộng đồng.

- Trong ngày ghi nhận 4.905 ca mắc mới trong ngày (giảm 10,8%), trong đó có 480 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (tăng 3,4%), 4.425 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (giảm 12,3%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 234.104 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)

- Tỷ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PC và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2) đạt **0,47%**; thấp hơn so với tỷ lệ chung thế giới 1,96%, tỷ lệ của thành phố Hồ Chí Minh 3,85% và tỷ lệ của tỉnh Bình Dương 1,04%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 100,72% ; Mũi 2: 92,86%; Mũi 3: 4,07%

- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 cao nhất (>90%): Xuân Lộc, Long Thành, Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Khánh.

- Các địa phương tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 chưa đạt 80%: Nhơn Trạch

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,40%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 97,84%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi

+ Mũi 1: 90,53%; Mũi 2: 37,64%

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 09/12/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/thành phố đều ở cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Các địa phương thực hiện thống nhất, đồng bộ công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh và số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai quản lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy

định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT

(Cập nhật đến ngày 09/12/2021 tại Báo cáo số 878/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	00	28 (bằng)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	11	79 (tăng 13)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	63 (giảm 13)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2 <i>(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 135 ca/100.000 dân, tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%) 170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động</i>		

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị	Cộng đồng			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	>= 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình						Nhẹ và Không triệu chứng
TẦNG 3																								
1	BVĐN/ HSTC	40	50	5	0	1	4	1	2	47		302		9	3	31	4						31	
2	BVTN/TTHSTC	200	70	4	5	0	4		1	91	310	514	283	18	4	39	20	6	0	3	0	38	53	0
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	2	0	0	0	0	0	39	97	76	96	9	1	10	12	5	0	0	0	19	18	3
4	BVĐKKVLT	100	100	4	0	0	3	0	3	67	96	136	55	19	3	10	35	0	0	0	0	31	37	33

5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	0	7	2	4	0	0	3	1	3	0	0	0	7	0	0	0
6	BV Định Quán	60	30	3	0	0	0	0	0	12	13	8	6	7	0	0	4	0	1	0	0	9	11	18
Tổng cộng (tầng 3)		520	300	18	5	1	11	1	6	263	518	1040	440	62	14	91	78	11	1	3	7	97	150	54
TẦNG 2																								
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	235	10	3	1	0	0	0	145	45	2	2510	2	0	0	15	35	94	14	4	31	31	89
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	16	1	1	0	0	0	184	133	0	2654	0	0	0	17	85	170	13	0	98	102	50
0	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	1	0	0	27	55	1	1846	0	0	0	5	8	19	1	1	5	17	23
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	21	8	0	0	0	0	168	44	1	3897	0	0	0	13	13	155	12	24	17	50	494
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	5	23	1	0	0	0	72	158	0	5188	0	0	0	22	26	24	3	3	21	46	
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	7	4	0	0	0	0	8	13	0	1059	0	0	0	0	0	8	0	0	0	0	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	3	2	0	0	0	0	109	29	0	931	0	0	0	19	99	13	1	3	19	56	20
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	10	28	0	0	0	0	151	345	0	1603	0	0	0	0	96	56	0	73	0	0	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	4	4	0	0	0	0	77	0	0	471	0	0	0	34	21	3	0	2	32	46	73
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	100	70	4	0	0	0	0	0	18	0	0	0	0	0	0	5	4	8	1	1	1	10	52
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0	0	0	0		5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	100	80	3	6					72	317	5	617	6		2	14	15	35			2	15	5
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	3	4	0	1	1	0	29	40	15	471	4	0	0	14	8	7	0	0	11	7	36
Tổng cộng (tầng 2)		6540	5566	86	83	3	2	1	0	1060	1179	29	21247	12	0	2	158	410	592	45	111	237	380	842
1	Biên Hòa	1980	1582	9	18	2	1	0	0	271	1287	21	18518	0	0	0	38	61	220	5	18	30	54	1015
2	Long Khánh	400	310	9	36	0	0	0	0	74	73	0	671	0	0	0	0	0	74	2	2	1	2	
3	Vĩnh Cửu	470	470	0	19	0	0	0	0	22	1524	3	9065	0	0	0	0	0	22	0	1	0	0	408
4	Định Quán	100	89	4	3	0	0	0	0	42	95	0	381	0	0	0	0	0	42	1	5	5	9	47
5	Tân Phú	60	60	7	16	0	0	0	0	39	195	2	203	0	0	0	15	15	24	0	0	24	15	0
6	Trảng Bom	978	948	4	18	1	2	0	0	29	1644	2	4264	0	0	0	0	6	23	2	7	6	10	800
7	Thống Nhất	98	98	2	2	0	0	0	0	29	2	0	7	0	0	0	0	0	29	0	5	0	0	0

8	Xuân Lộc																							
9	Cẩm Mỹ	60	60	3	23	0	0	0	0	54	22	1	518	0	0	0	5	13	36	12	8	13	22	6
10	Long Thành	500	500	3	9	2	0	0	0	104	82	0	2368	0	0	0	0	0	104	2	10	15	58	396
11	Nhon Trạch	4230	1500	25	0	5	0	0	0	83	0	17	9854	0	0	0	2	43	38	3	3	6	74	1417
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		8876	5617	66	144	10	3	0	0	747	4924	46	45849	0	0	0	60	138	612	27	59	100	244	4870
TỔNG TẦNG (3+2+1)		15936	11483	170	232	14	16	2	6	2070	6621	1115	67536	74	14	93	296	559	1205	75	177	434	774	5766

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 15/12/2021)

TT	Địa phương	Người trong độ tuổi tiêm chủng (Từ 12 tuổi trở lên)								
		Dân số	Số mũi tiêm trong ngày	Số mũi tiêm Mũi 1	Số mũi tiêm Mũi 2	Số mũi tiêm Mũi 3	Tổng số liều vắc xin đã tiêm	Tỷ lệ Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 3
1	Biên Hòa	961.996	167	978.553	970.451	17.755	1.966.759	101,72%	100,88%	1,85%
2	Long Khánh	135.944	774	137.687	124.081	8.112	269.880	101,28%	91,27%	5,97%
3	Long Thành	215.692	1.180	244.303	215.430	11.438	269.880	113,26%	99,88%	5,30%
4	Nhon Trạch	261.879	434	258.513	205.420	10.473	25.709	98,71%	78,44%	4,00%
5	Thống Nhất	146.707	587	131.692	119.116	6.877	257.685	89,77%	81,19%	4,69%
6	Trảng Bom	318.163	0	309.101	264.958	9.062	583.121	97,15%	83,28%	2,85%
7	Vĩnh Cửu	137.042	0	144.016	128.290	5.697	278.003	105,09%	93,61%	4,16%
8	Xuân Lộc	188.699	3.295	208.739	194.801	12.096	415.636	110,62%	103,23%	6,41%
9	Cẩm Mỹ	115.087	0	106.496	101.259	2.272	210.027	92,54%	87,98%	1,97%
10	Định Quán	171.083	796	156.903	148.118	24.147	329.168	91,71%	86,58%	14,11%
11	Tân Phú	129.710	0	126.127	111.491	5.369	242.987	97,24%	85,95%	4,14%
Tỉnh Đồng Nai		2.782.002	7.233	2.802.130	2.583.415	113.298	4.848.855	100,72%	92,86%	4,07%

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 15/12/2021)

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A)			Người từ 50 tuổi trở lên (B)			Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)							
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ %	Số mũi tiêm (Mũi 2)	Tỷ lệ %	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57%	198.192	196.674	99,23%	93.343	82	85.346	91,43%	27.941	29,93%	2	1
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71%	37.675	36.408	96,64%	14.793	8	14.793	100,00%	6.360	42,99%	6	0
3	Long Thành	23.449	22.819	97,31%	59.238	57.498	97,06%	24.626	21	25.889	105,13%	10.210	41,46%	1	0
4	Nhon Trạch	15226	14.632	96,10%	48894	48.110	98,40%	23.393	3	15.931	68,10%	6208	26,54%	0	0
5	Thống Nhất	13.037	11.996	92,02%	37.414	33.590	89,78%	16.405	13	14.763	89,99%	8.909	54,31%	0	0
6	Trảng Bom	19.115	19.010	99,45%	92.978	90.412	97,24%	34.961	96	31.822	91,02%	11.783	33,70%	0	0
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.857	93,39%	32.466	29.920	92,16%	15.893	30	12.865	80,95%	4.028	25,34%	2	0
8	Xuân Lộc	19.734	18.427	93,38%	57.427	57.427	100,00%	22.654	15	20.956	92,50%	14.110	62,28%		
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.884	97,51%	34.375	34.111	98,70%	12.810	25	11.091	86,58%	4.089	31,92%		
10	Định Quán	13.719	13.161	95,93%	34.790	35.621	102,39%	20.291	0	19.745	97,31%	11.375	56,06%	0	0
11	Tân Phú	11.970	11.778	98,40%	23.040	22.536	97,81%	17.908	24	15.749	87,94%	6.807	38,01%	6	0
	Tỉnh Đồng Nai	212.402	206.874	97,40%	656.489	642.307	97,84%	297.077	317	268.950	90,53%	111.820	37,64%	17	1